

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số: 41/QĐ-ĐVSG ngày 14 tháng 04 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn)

- Tên ngành : Y sỹ đa khoa
- Mã ngành : 6720101
- Trình độ đào tạo : Cao đẳng
- Hình thức đào tạo : Chính quy
- Đối tượng tuyển sinh : Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thời gian đào tạo : 3 năm (6 học kỳ)

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Y sỹ đa khoa trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề khám chữa bệnh ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đào tạo Y sỹ đa khoa có đủ y đức, có kiến thức khoa học cơ bản và y học cơ sở vững chắc, có kiến thức và kỹ năng cơ bản về lâm sàng và cộng đồng, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền, có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 2 khung năng lực châu Âu, có khả năng tiếp cận và ứng dụng các thành tựu khoa học y học trong bảo vệ và chăm sóc khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Mục tiêu chuẩn đầu ra

CĐR 1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc an toàn, cải tiến chất lượng chăm sóc và giảm thiểu rủi ro trong môi trường chăm sóc sức khỏe.

CĐR 2. Áp dụng sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe, thực hiện được khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng; chẩn đoán chính xác một số/các bệnh lý thông thường ở tuyến Y tế cơ sở.

CĐR 3. Thiết lập kế hoạch điều trị chăm sóc sức khỏe toàn diện và hợp lý, theo nguyên tắc người bệnh là trung tâm. Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị người bệnh phù hợp với vai trò, nhiệm vụ ở tuyến Y tế cơ sở, đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn và hiệu quả, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

CDR 4. Vận dụng được các kiến thức tăng cường sức khỏe và phòng ngừa bệnh tật trong chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

CDR 5. Hợp tác với các thành viên trong nhóm, sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, các phương tiện truyền thông phù hợp để thiết lập mối quan hệ, giao tiếp có hiệu quả, cung cấp các thông tin về sức khỏe; giáo dục sức khỏe cho cán bộ y tế, người bệnh, gia đình và cộng đồng.

CDR 6. Tham gia quản lý công tác điều trị chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác ở tuyến Y tế cơ sở để điều trị, chăm sóc người bệnh an toàn, chất lượng, hiệu quả và hài lòng.

CDR 7. Tham gia nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, áp dụng cải tiến chất lượng trong điều trị, chăm sóc người bệnh.

CDR 8. Thể hiện được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phản biện/phê phán.

CDR 9: Trình độ Ngoại ngữ: có trình độ có trình độ **ngoại ngữ bậc 2 (A2)** trở lên.

CDR 10: Trình độ Tin học: có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng **công nghệ thông tin** theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT

1.2.2. Về kiến thức

- Khối kiến thức chung

+ Vận dụng được các kiến thức về tư tưởng, đạo đức cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

+ Áp dụng được kiến thức công nghệ thông tin trong phục vụ người bệnh và nghiên cứu khoa học.

+ Vận dụng được kiến thức về ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc chuyên môn.

+ Đánh giá, phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức cảnh giác với những âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch.

- Kiến thức chung theo lĩnh vực

+ Vận dụng được các kiến thức khoa học tự nhiên như hóa học, sinh học, vật lý, lý sinh để giải thích các hiện tượng bệnh lý.

+ Phân tích được các hiện tượng, các cơ chế hoạt động, nguyên lý vận hành của các trang thiết bị phục vụ chẩn đoán và điều trị.

+ Tiếp cận được với các kiến thức sinh học và kỹ thuật y dược hiện đại.

- Kiến thức chung của khối ngành

+ Vận dụng được kiến thức cốt lõi về khoa học sức khỏe và các mối liên quan giữa sức khỏe với các yếu tố môi trường, xã hội.

+ Đánh giá và phân tích được mối liên quan giữa sức khỏe, bệnh tật với môi trường và các yếu tố tâm lý-xã hội.

- Kiến thức chung của nhóm ngành và ngành

+ Hiểu được đặc điểm giải phẫu, cấu trúc và hoạt động của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý.

+ Đánh giá được sự thay đổi các trạng thái cơ thể trong những điều kiện bình thường và bệnh lý.

+ Áp dụng được những kiến thức cơ bản, cơ sở để giải thích các triệu chứng bệnh lý của người bệnh.

+ Phân tích và tổng hợp được các triệu chứng, các dấu hiệu để chẩn đoán các tình trạng bệnh lý.

+ Áp dụng được các phương pháp, các kỹ thuật để điều trị và chăm sóc người bệnh.

- Kiến thức thực tập và tốt nghiệp

Vận dụng tổng hợp kiến thức thu được để phân tích và đánh giá các vấn đề sức khỏe tại Bệnh viện và cộng đồng trước khi trở thành bác sĩ đa khoa.

1.2.2. Về kỹ năng

Kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng cứng)

- Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề

+ Phát hiện được các triệu chứng bệnh lý và các vấn đề sức khỏe.

+ Chỉ định và phân tích được kết quả các xét nghiệm và kỹ thuật thăm dò chức năng cơ bản.

+ Chẩn đoán được một số bệnh thông thường.

+ Xử trí được một số bệnh và tình trạng cấp cứu thường gặp.

- Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

+ Xây dựng được giả thuyết về sức khỏe và bệnh tật.

+ Đánh giá, phân tích được vấn đề sức khỏe.

+ Đề xuất giải pháp và giải quyết được các vấn đề sức khỏe.

- Kỹ năng nghiên cứu và khám phá

+ Có khả năng hình thành giả thuyết nghiên cứu.

+ Có kỹ năng thu thập thông tin.

+ Thực hiện được đề tài nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của chuyên gia.

+ Có kỹ năng ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tế.

- Kỹ năng tư duy theo hệ thống

+ Phân tích được mối liên quan sức khỏe với các yếu tố môi trường, văn hóa, kinh tế-xã hội.

+ Xác định được vấn đề sức khỏe ưu tiên.

+ Phân tích sự lựa chọn giữa các vấn đề và tìm ra cách giải quyết.

- + Có tư duy phân tích đa chiều các vấn đề sức khỏe, bệnh tật.
 - Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh
 - + Thể hiện được vai trò và trách nhiệm của Y sĩ đa khoa đối với xã hội.
 - + Đáp ứng chuẩn mực của xã hội về ngành y và Y sĩ đa khoa.
 - + Đánh giá sự phát triển và các vấn đề sức khỏe toàn cầu đến nghề nghiệp.
 - Bối cảnh tổ chức
 - + Phân tích được đặc điểm, tình hình của đơn vị.
 - + Xây dựng được kế hoạch và phát triển đơn vị.
 - + Tạo được mối liên hệ với các đối tác chủ yếu.
 - Vận dụng kiến thức vào thực tiễn
 - + Áp dụng và thực hiện được các kỹ thuật, thủ thuật trong lâm sàng.
 - + Sử dụng thành thạo các thiết bị trong đơn vị.
 - + Phát hiện được những vấn đề mới trong chuyên môn.
 - Năng lực sáng tạo, phát triển và khả năng thay đổi trong chuyên môn.
 - + Cải tiến các kỹ thuật chăm sóc, điều trị.
 - + Cập nhật được các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công việc.
 - + Có năng lực làm việc trong các vị trí khác nhau trong đơn vị.
- Kỹ năng mềm*
- Kỹ năng tự chủ
 - + Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lý.
 - + Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc.
 - + Học và tự học, tự nghiên cứu suốt đời.
 - + Phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.
 - Kỹ năng làm việc nhóm
 - + Xây dựng, điều hành nhóm làm việc hiệu quả.
 - + Liên kết được các nhóm.
 - Kỹ năng quản lý và lãnh đạo
 - + Tổ chức, phân công công việc trong đơn vị.
 - + Đánh giá hoạt động của cá nhân và tập thể.
 - + Liên kết được với các đối tác chủ yếu.
 - Giao tiếp
 - + Sắp xếp được ý tưởng, nội dung giao tiếp.

- + Giao tiếp được bằng văn bản, qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông
- + Khả năng thuyết trình lưu loát.
- + Có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân: tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân, trao đổi và chia sẻ với đồng nghiệp...

- Sử dụng ngoại ngữ: tiếng Anh A2
- Tin học và công nghệ thông tin: sử dụng thành thạo phần mềm thông dụng SPSS.

1.2.3. Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm

- Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Có tinh thần tôn trọng, hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp, bệnh nhân và gia đình họ trong quá trình chăm sóc sức khỏe;
- Trung thực, khách quan, luôn cố gắng học tập vươn lên để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Đạo đức cá nhân
- + Sẵn sàng đương đầu với khó khăn.
- + Kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê sáng tạo.
- + Cảm thông, chia sẻ với đồng nghiệp, người bệnh.
- Đạo đức nghề nghiệp
- + Tận tâm, tận lực, trung thực và trách nhiệm.
- + Tác phong làm việc chuyên nghiệp.
- + Văn hóa ứng xử của thầy thuốc (12 điều y đức).
- Đạo đức xã hội
- + coi trọng nền y học cổ truyền dân tộc.
- + Tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- + Giữ gìn và quảng bá hình ảnh người Y sĩ đa khoa trong xã hội

1.2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Y sĩ đa khoa trình độ cao đẳng, người học có khả năng đảm nhiệm công tác khám chữa bệnh, tham gia nghiên cứu khoa học và quản lý; đáp ứng yêu cầu công việc tại các vị trí sau:

Tại đơn vị khám, chữa bệnh tuyến cơ sở công lập và tư nhân, trạm y tế xã phường
 Làm công tác chuyên môn Y tế trường học, Y tế cơ quan...

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học/mô đun : 40 môn học
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa : 100 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương : 435 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn : 2145 giờ
- Khối lượng lý thuyết : 779 giờ
- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm : 1663 giờ
- Giờ kiểm tra : 138 giờ

3. Nội dung chương trình:

| TT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | Tổng | | Thời gian học tập (giờ) | | |
|-------------|------------|--|------------|------------|-------------------------|------------|-----------|
| | | | Số tín chỉ | Số tiết | Trong đó | | |
| | | | | | LT | TH | Kiểm tra |
| I. | | Các môn học chung/đại cương | | | | | |
| 1 | MH 01 | Giáo dục Chính trị | 4 | 75 | 41 | 29 | 5 |
| 2 | MH 02 | Tiếng Anh | 5 | 120 | 42 | 72 | 6 |
| 3 | MH 03 | Tin học | 3 | 75 | 15 | 58 | 2 |
| 4 | MH 04 | Pháp luật | 2 | 30 | 18 | 10 | 2 |
| 5 | MH 05 | Giáo dục thể chất | | 60 | 5 | 51 | 4 |
| 6 | MH 06 | Giáo dục quốc phòng – an ninh | | 75 | 36 | 35 | 4 |
| Tổng | | | 14 | 435 | 157 | 255 | 23 |
| II. | | Các môn học chuyên ngành | | | | | |
| II.1 | | Môn học cơ sở | | | | | |
| 7 | MĐ 01 | Tiếng Anh chuyên ngành | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| 8 | MĐ 02 | Từ phân tử đến tế bào (Sinh học, Hóa học, Vật lý, Hóa sinh) | 3 | 60 | 30 | 25 | 5 |
| 9 | MĐ 03 | Từ tế bào đến các hệ cơ quan (Mô phôi, giải phẫu, sinh lý, lý sinh) | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| 10 | MĐ 04 | Sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi (Vi sinh – ký sinh trùng, sinh lý bệnh, dược, sinh dưỡng) | 3 | 60 | 30 | 25 | 5 |
| 11 | MĐ 05 | Kỹ thuật điều dưỡng | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| 12 | MĐ 06 | Thực hành Lâm sàng Kỹ thuật điều dưỡng | 2 | 60 | 0 | 60 | 0 |
| 13 | MĐ 07 | Tâm lý người bệnh- Y đức | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| 14 | MĐ 08 | Giao tiếp- Giáo dục SK trong thực hành y khoa | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| 15 | MĐ 09 | Môi trường và sức khỏe | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| Tổng | | | 20 | 405 | 189 | 194 | 22 |
| II.2 | | Môn học chuyên môn ngành | | | | | |
| 16 | MĐ 10 | Bệnh học người lớn 1 | 3 | 60 | 30 | 25 | 5 |
| 17 | MĐ 11 | Bệnh học người lớn 2 | 3 | 60 | 30 | 25 | 5 |
| 18 | MĐ 12 | Bệnh học người lớn 3 | 4 | 75 | 45 | 25 | 5 |
| 19 | MĐ 13 | Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 1 | 3 | 90 | 0 | 85 | 5 |

| TT | MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | Tổng | | Thời gian học tập (giờ) | | |
|--|------------|---|------------|-------------|-------------------------|-------------|------------|
| | | | Số tín chỉ | Số tiết | Trong đó | | |
| | | | | | LT | TH | Kiểm tra |
| 20 | MĐ 14 | Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 2 | 3 | 90 | 0 | 85 | 5 |
| 21 | MĐ 15 | Thực hành Lâm sàng Bệnh học người lớn 3 | 3 | 90 | 0 | 85 | 5 |
| 22 | MĐ 16 | Ung Thư | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| 23 | MĐ 17 | Sản | 3 | 60 | 30 | 25 | 5 |
| 24 | MĐ 18 | Thực hành lâm sàng Sản | 2 | 60 | 0 | 55 | 5 |
| 25 | MĐ 19 | Tổ chức quản lý y tế | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| 26 | MĐ 20 | Thống kê y học - Nghiên cứu khoa học | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| 27 | MĐ 21 | Nhi | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| 28 | MĐ 22 | Thực hành lâm sàng Nhi | 2 | 60 | 0 | 55 | 5 |
| 29 | MĐ 23 | Cấp cứu - cấp cứu ngoại viện | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| 30 | MĐ 24 | Lâm sàng Cấp cứu, cấp cứu ngoại viện | 2 | 60 | 0 | 55 | 5 |
| 31 | MĐ 25 | Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| 32 | MĐ 26 | Lâm sàng Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng | 2 | 60 | 0 | 55 | 5 |
| 33 | MĐ 27 | Bệnh chuyên khoa | 4 | 60 | 55 | 0 | 5 |
| 34 | MĐ 28 | Lâm sàng Bệnh chuyên khoa | 3 | 90 | | 85 | 5 |
| 35 | MĐ 29 | Y học gia đình | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| 36 | MĐ 30 | Y tế cộng đồng | 2 | 30 | 28 | 0 | 2 |
| Tổng | | | 53 | 1200 | 375 | 744 | 81 |
| II.3 | | Mô đun/môn học tự chọn | | | | | |
| Nhóm 1-Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng | | | | | | | |
| 37 | MĐ 31 | Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng | 3 | 45 | 43 | | 2 |
| 38 | MĐ 32 | Lâm sàng Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng | 2 | 60 | | 55 | 5 |
| Nhóm 2- Bệnh chuyên khoa nâng cao | | | | | | | |
| 39 | MĐ 33 | Bệnh chuyên khoa nâng cao | 3 | 45 | 43 | 0 | 2 |
| 40 | MĐ 34 | Lâm sàng Bệnh chuyên khoa | 2 | 60 | | 55 | 5 |
| Tổng | | | 5 | 105 | 43 | 55 | 7 |
| II.4 | | Thực tập – Thi tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp | | | | | |
| 41 | MĐ 35 | Thực tập Lâm sàng nghề nghiệp | 3 | 135 | 0 | 130 | 5 |
| 42 | MĐ 36 | Khóa luận tốt nghiệp/Học môn thay thế | 5 | 300 | 15 | 285 | 0 |
| Tổng | | | 8 | 435 | 15 | 415 | 5 |
| TỔNG CỘNG | | | 100 | 2580 | 779 | 1663 | 138 |

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung nhà trường

Đối với Xây dựng thời gian đào tạo 06 môn học chung, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng đối với trình độ cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cụ thể:

+ Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh;

+ Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị;

+ Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Pháp luật;

+ Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất;

+ Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Tin học;

+ Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Quy định Chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

4.2. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học

* Về giờ học:

- 1 tiết học lý thuyết = 45 phút

- 1 tiết học thực hành/tích hợp = 60 phút

- 1 tín chỉ lý thuyết = 15 tiết

- 1 tín chỉ thực hành

(tại phòng thực hành, thảo luận ,...) = 30 tiết.

Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

* *Kế hoạch giảng dạy và quỹ thời gian*

Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản/cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

Nhà trường bố trí và điều chỉnh các môn học/học phần của các học kỳ sao cho đảm bảo được tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các môn khoa học cơ bản, cơ sở, tiền lâm sàng rồi mới học các môn chuyên ngành Điều dưỡng.

Nhà trường sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện, có thể áp dụng phương pháp mới như lồng ghép, cấu trúc chương trình theo khối thời gian (Block hoặc Module) sau khi nghiên cứu, chuẩn bị và báo cáo Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi tổ chức đào tạo.

*** Thực tập, thực hành bệnh viện, thực tế tại cộng đồng**

Thực hành tiền lâm sàng (skillslab) và thực hành bệnh viện: Các môn học/học phần lâm sàng, cơ sở đào tạo phải tổ chức cho sinh viên thực hành tại các phòng thực hành tiền lâm sàng, phòng bệnh mô phỏng của trường/bộ môn/khoa trước khi tổ chức cho sinh viên đi thực hành tại các bệnh viện.

Thực hành bệnh viện: Sinh viên thực tập thường xuyên tại các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tỉnh và các bệnh viện tuyến huyện.

Thực tế tại cộng đồng: Tổ chức thực tế tại cộng đồng sau khi sinh viên đã học các môn cơ sở và các môn học lâm sàng. Sinh viên sẽ được thực tập tại các trạm y tế xã, phường.

*** Phương pháp đào tạo:** Yêu cầu đặt ra về phương pháp đào tạo là:

- Sinh viên là trung tâm của quá trình dạy học; Coi trọng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

- Giảng viên có vai trò quan trọng trong việc định hướng, hướng dẫn, giám sát hỗ trợ, lượng giá thường xuyên trong suốt quá trình học tập của sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên phát triển trong học tập – đặc biệt là thực hành nghề nghiệp.

- Tăng cường phương tiện nghe nhìn, phương tiện dạy học tích cực, đổi mới chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy học.

- Đảm bảo tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo, điều kiện truy cập thông tin qua mạng internet, điều kiện đáp ứng tự học của sinh viên...

- Tăng cường và khuyến khích áp dụng phương pháp dạy-học dựa vào bằng chứng, dựa trên vấn đề, dạy-học theo năng lực, ...

* Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

* Sau mỗi hai năm học hoặc sau mỗi khóa học, Trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực Y sỹ do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/học phần.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo giáo viên, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả dạy học sẽ chuyển từ kiểm tra đánh giá lĩnh hội khái niệm sang kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức thể hiện ở sự hiểu và khả năng vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn. Đồng thời kiểm tra hệ thống kỹ năng cần thiết, kiểm tra nhận thức, thái độ và góp phần phát triển tình cảm nghề nghiệp ở sinh viên.

4.4. Hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo ngành Y sỹ đa khoa và tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình mới được làm khóa luận tốt nghiệp. Khoa Y - Dược có trách nhiệm phân công giảng viên hướng dẫn sinh viên làm khóa luận theo quy định của Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả tích lũy tín chỉ của sinh viên, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành ngành Y sỹ Đa khoa trình độ Cao đẳng cho sinh viên.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Lê Lâm